

聲請延長民事通常保護令有效期間

Yêu cầu xem xét cho gia hạn lệnh bảo vệ thông thường thuộc án dân sự để khoảng thời gian thi hành lệnh bảo vệ vẫn còn có hiệu lực để thi hành

家事聲請狀

Đơn Yêu Cầu Xem Xét Vụ Án Hôn Nhân Và Gia Đình

案 號 Số án	年度家護字第 號 Số chữ niên độ	承辦股別 Tổ tiếp nhận làm nhiệm vụ
稱謂 Gọi là	姓名或名稱 Họ và tên hoặc danh xưng	依序填寫：國民身分證統一編號或護照等身分證明文件字號、性別、出生年月日、職業、住居所、公務所、事務所或營業所、郵遞區號、電話、傳真、電子郵件位址、指定送達代收人及其送達處所。 Điền ghi theo thứ tự : Chữ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu là giấy tờ chứng nhận nhân thân, giới tính, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, nơi thường trú tạm trú, trụ sở công tác, văn phòng hoặc nơi kinh doanh, mã bưu chính, số điện thoại, số fax, địa chỉ hộp thư điện tử, chỉ định người nhận hộ văn bản tổng đạt và địa chỉ nhận văn bản tổng đạt.
聲 請 人 Người xin lệnh bảo vệ	○○○	國民身分證統一編號或護照等身分證明文件字號： Chữ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu là giấy tờ chứng nhận nhân thân： 性別：男／女/Giới tính：Nam/Nữ 生日/Ngày tháng năm sinh： 職業/Nghề nghiệp： 住：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1) Nơi ở：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1) 郵遞區號/Mã bưu chính： 電話、手機：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1) Điện thoại nhà riêng, điện thoại di động：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1) 傳真/Số fax： 電子郵件位址/Địa chỉ hộp thư điện tử： 送達代收人/Người nhận hộ văn bản tổng đạt： 送達處所：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1) Địa chỉ nhận văn bản tổng đạt：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1) * 是否請求法官隔別詢問或為其他適當之安全措施： Có cần phải yêu cầu thẩm phán cho phép được cách ly tại phòng riêng khi xét hỏi hoặc áp dụng những biện

		<p>pháp thích hợp khác để đảm bảo an toàn không : <input type="checkbox"/> 是/Cần phải (原因/Nguyên nhân :) <input type="checkbox"/> 否/Không cần</p>
<p>法定代理人 Người đại diện theo pháp luật</p>	○○○	<p>國民身分證統一編號或護照等身分證明文件字號： Chữ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu là giấy tờ chứng nhận nhân thân： 性別：男／女/Giới tính：Nam/Nữ 生日/Ngày tháng năm sinh： 職業/Nghề nghiệp： 住：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1) Nơi ở：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1) 郵遞區號/Mã bưu chính： 電話、手機：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1) Điện thoại nhà riêng, điện thoại di động：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1) 傳真/Số fax： 電子郵件位址/Địa chỉ hộp thư điện tử： 送達代收人/Người nhận hộ văn bản tổng đạt： 送達處所：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1) Địa chỉ nhận văn bản tổng đạt：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1)</p>
<p>代理人 Người đại diện</p>	○○○	<p>國民身分證統一編號或護照等身分證明文件字號： Chữ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu là giấy tờ chứng nhận nhân thân： 性別：男／女/Giới tính：Nam/Nữ 生日/Ngày tháng năm sinh： 職業/Nghề nghiệp： 住/Nơi ở： 郵遞區號/Mã bưu chính： 電話、手機/ Điện thoại nhà riêng, điện thoại di động： 傳真/Số fax： 電子郵件位址/Địa chỉ hộp thư điện tử： 送達代收人/Người nhận hộ văn bản tổng đạt： 送達處所/Địa chỉ nhận văn bản tổng đạt：</p>
<p>被 害 人 Người bị hại</p>	○○○	<p><input type="checkbox"/> 即聲請人 (如聲請人與被害人為同一人，請逕於下方「◎」部分填寫資料；如有聲請人以外的其他被害人，仍須詳載其他被害人資料) Tức là Người xin lệnh bảo vệ (khi Người xin lệnh bảo vệ và Người bị hại cùng là một người, thì tự điền ghi thông tin vào nơi có ký hiệu 「◎」；khi mà ngoài Người xin lệnh bảo vệ còn có Người bị hại khác, vẫn phải ghi đầy đủ thông tin của Người bị hại đó)</p>

		<p>國民身分證統一編號或護照等身分證明文件字號： Chữ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu là giấy tờ chứng nhận nhân thân：</p> <p>性別：男／女/Giới tính：Nam/Nữ</p> <p>生日/Ngày tháng năm sinh：</p> <p>職業/Nghề nghiệp：</p> <p>住：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1)</p> <p>Nơi ở：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1)</p> <p>郵遞區號/Mã bưu chính：</p> <p>電話、手機：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1)</p> <p>Điện thoại nhà riêng, điện thoại di động：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1)</p> <p>傳真/Số fax：</p> <p>電子郵件位址/Địa chỉ hộp thư điện tử：</p> <p>* 是否請求法官隔別詢問或為其他適當之安全措施： Có cần phải yêu cầu thẩm phán cho phép được cách ly tại phòng riêng khi xét hỏi hoặc áp dụng những biện pháp thích hợp khác để đảm bảo an toàn không： <input type="checkbox"/> 是/Cần phải (原因/Nguyên nhân：) <input type="checkbox"/> 否/Không cần</p> <p>◎ 於審理時，是否需聲請親屬或個案輔導之社工人員、心理師陪同到場 Trong quá trình xét xử, có nhu cầu xin cho phép có người thân hoặc nhân viên công tác xã hội, chuyên gia tâm lý làm nhiệm vụ về vụ án cùng lúc có mặt tại phiên tòa xét xử không <input type="checkbox"/> 是/Cần phải 姓名/Họ và tên： 身分/Quan hệ nhân thân： 聯絡處所/Địa chỉ liên lạc： 聯絡電話/Điện thoại liên lạc： <input type="checkbox"/> 否/Không cần</p> <p>送達代收人/Người nhận hộ văn bản tổng đạt：</p> <p>送達處所：(<input type="checkbox"/> 請保密，詳附件 1)</p> <p>Địa chỉ nhận văn bản tổng đạt：(<input type="checkbox"/> Xin giữ bí mật, chi tiết nêu tại phụ lục 1)</p>
<p>相對人 Người có hành vi bạo lực gia đình</p>	<p>○○○</p>	<p>國民身分證統一編號或護照等身分證明文件字號： Chữ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu là giấy tờ chứng nhận nhân thân：</p> <p>性別：男／女/Giới tính：Nam/Nữ</p> <p>生日/Ngày tháng năm sinh：</p> <p>職業/Nghề nghiệp：</p> <p>住/Nơi ở：</p> <p>郵遞區號/Mã bưu chính：</p>

		電話、手機/ Điện thoại nhà riêng, điện thoại di động : 傳真/Số fax : 電子郵件位址/Địa chỉ hộp thư điện tử : 送達代收人/Người nhận hộ văn bản tổng đạt : 送達處所/Địa chỉ nhận văn bản tổng đạt :
--	--	--

為聲請延長通常保護令事：

Do là yêu cầu xem xét cho gia hạn lệnh bảo vệ thông thường :

聲請事項

Yêu cầu xem xét đề nghị

請准將○○地方法院（少年及家事法院）核發之○○年度家護字第○○號民事通常保護令之有效期間，延長如下（二年以下期間）：

- ____ 月
 1 年
 2 年

Xin xem xét cho phép Bản án Số ○○ chữ Gia Hộ niên độ ○○ về Lệnh bảo vệ thông thường là đang trong khoảng thời gian còn có hiệu lực do Tòa án địa phương ○○ (Tòa án thiếu niên và hôn nhân gia đình) cấp, được gia hạn như sau (với khoảng thời gian là từ hai năm trở xuống) :

- ____ tháng
 Một năm
 Hai năm

事實及理由

Sự thật và lý do

○○年度家護字第○○○號民事通常保護令，有效期間即將屆滿，因相對人仍有下列行為，被害人、其未成年子女及家庭成員有受家庭暴力之危險，爰請求延長原核發之通常保護令有效期間。

- 暴力攻擊（暴力行為 1. 普通傷害
 2. 重傷害（指毀壞眼睛、耳朵、四肢、言語、味覺、嗅覺、生殖等機能或造成嚴重損害）
 3. 殺人未遂
 4. 殺人
 5. 性侵害
 6. 妨害自由
 7. 目睹家庭暴力
 8. 其他_____。）

恐嚇、脅迫、辱罵及其他精神上不法侵害

經濟上控制、脅迫或其他經濟上不法侵害

請描述行為具體內容：

Bản án dân sự Số ○○○ chữ Gia Hộ niên độ ○○ về Lệnh bảo vệ thông thường, khoảng thời gian có hiệu lực đề thi hành lệnh bảo vệ sắp đến ngày hết hạn, do là Người có hành vi bạo lực gia đình vẫn còn có những hành vi sau đây, Người bị hại, con chưa thành niên của họ và thành viên trong gia đình có nguy cơ rơi vào thế nguy hiểm là bị bạo lực gia đình, nên yêu cầu cho phép gia hạn lệnh bảo vệ thông thường đã được cấp trước đây để khoảng thời gian thi hành lệnh bảo vệ vẫn còn có hiệu lực thi hành.

Tấn công bằng bạo lực (Hành vi bạo lực

1. Bị thương nhẹ

2. Bị thương nặng (được hiểu là làm hỏng chức năng của mắt, tai, tứ chi, ngôn ngữ, vị giác, khứu giác, bộ phận sinh dục hoặc gây ra mức tổn hại nghiêm trọng)

3. Giết người chưa đạt

4. Giết người

5. Xâm hại tình dục

6. Xâm phạm quyền tự do

7. Tận mắt chứng kiến cảnh bạo lực gia đình

8. Khác _____.)

Đe dọa,胁逼, chửi bới hoặc có những hành vi trái pháp luật gây tổn thất về tinh thần

Không chế, 胁逼 về tài sản, tiền bạc hoặc có những hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho tài sản, tiền bạc khác

Hãy mô tả hành vi đó với nội dung cụ thể :

此 致

Kính trình

○○○○地方法院（少年及家事法院）家事法庭 公鑒

Phiên Tòa Hôn Nhân Và Gia Đình (Tòa Á n Thiếu Niên Và Hôn Nhân Gia Đình) Của
Tòa Án Địa Phương ○○○○ *Minh xét*

證物名稱
及件數
Tên gọi và
số lượng
vật chứng

中 華 民 國	年	月	日
Trung Hoa Dân Quốc	Ngày	tháng	năm
		具狀人	簽名蓋章
	Người trình đơn		<i>ký tên và đóng dấu</i>
		撰狀人	簽名蓋章
	Người soạn đơn		<i>ký tên và đóng dấu</i>